VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 168/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 26-NQ/TW) đã đề ra các mục tiêu:

Đến năm 2030, Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực; là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên và nước bạn Lào; là nơi các giá trị văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

Tầm nhìn đến năm 2045, Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn ngang tầm khu vực châu Á với các khu kinh tế ven biển hiện đại, hệ thống đô thị ven biển thông minh, bền vững, có bản sắc riêng, thân thiện với môi trường, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; là nơi các giá trị văn hóa, lịch sử, hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm

vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 26-NQ/TW nhằm xây dựng và phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thành vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển, tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng và các địa phương trong vùng; phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế; các giá trị văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao trình độ và thu nhập của người dân, sử dụng có hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 26-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể để khơi thông nguồn lực, tháo gỡ các điểm nghẽn nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu đạt được các mục tiêu cao nhất đã đề ra tại Nghị quyết số 26-NQ/TW.

3. Phát huy vai trò kiến tạo, chỉ đạo tập trung của Chính phủ, sự phối hợp đồng bộ, có trách nhiệm của từng bộ, cơ quan trung ương, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ theo nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ để xây dựng quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch địa phương; xây dựng và thực hiện các

chủ trương, chính sách có tính đột phá; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng và liên vùng; sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, đặc thù về phát triển vùng; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng đảm bảo xây dựng và phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đạt các mục tiêu đã đề ra.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 7 - 7,5%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng từ 2,5 - 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 11,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 40,7%, dịch vụ chiếm khoảng 37,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 10,3%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%; kinh tế số trong GRDP vùng đạt khoảng 30%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 156 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành). Thu ngân sách nhà nước chiếm khoảng 20 - 25% cả nước; tốc độ tăng thu nội địa cao hơn 2 - 3 điểm % so với bình quân của cả nước. Phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 47 - 48%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khoảng 30%.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn trung bình cả nước. Thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2 lần trở lên so với trung bình cả nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 35 - 40%. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 1 - 1,5%/năm, trong đó tỷ lệ trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Đạt 32 giường bệnh viện/vạn dân; 11 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 54%. 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt khoảng 90%. 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và xây dựng Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết để tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận, quyết tâm cao ở tất cả các cấp, các ngành về vị trí, vai trò, mục tiêu và các giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là về liên kết vùng, cơ chế chính sách đặc thù, phân bổ nguồn lực, nguồn nhân lực, quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Các bộ, ngành và địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ một cách sâu rộng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các nền tảng mạng xã hội và các phương thức truyền thông để tuyên truyền đạt hiệu quả cao nhất.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Xây dựng thể chế liên kết vùng để điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng, liên vùng; phù hợp với định hướng và đặc thù phát triển vùng, tiểu vùng; rà soát, đảm bảo các quy định pháp lý, cơ chế, chính sách liên kết vùng được thực hiện đồng bộ, nhất quán, hiệu quả và có kỷ luật, kỷ cương.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 để điều phối, quản lý thống nhất vùng và các tiểu vùng, tạo cơ sở pháp lý để các địa phương trong vùng liên kết, hợp tác; quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương phải thể hiện tầm nhìn dài hạn, tổng thể cùng với các giải pháp đồng bộ, đột phá để mở rộng không gian và huy động tối đa nguồn lực cho phát triển; bảo đảm gắn kết và phát huy hiệu quả

liên kết kinh tế vùng, giữa phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp với các khu du lịch và dịch vụ, giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới, giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển các trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hậu cần đạt chuẩn quốc gia và khu vực; đưa vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước; bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế cửa khẩu,…

- Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư để tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển các quy hoạch như Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh; Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình; Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hòa. Nghiên cứu quy hoạch phát triển các khu vực liên tỉnh như Bắc Quảng Nam - Nam thành phố Đà Nẵng; Bắc Phú Yên - Nam Bình Định. Tiếp tục đầu tư, phát triển các hành lang kinh tế như Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng; La Lay - Mỹ Thủy; Cầu Treo - Vũng Áng; Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn; Vân Phong - Buôn Ma Thuột; Phú Yên - Đắk Lắk.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để tạo động lực khuyến khích phát triển doanh nghiệp và thu hút nguồn lực nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của vùng, trong đó tập trung phát triển các ngành kinh tế gắn với biển.

- Tổ chức không gian phát triển vùng theo các tiểu vùng: Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ; tăng cường kết nối hữu cơ giữa các tiểu vùng, với vùng Tây Nguyên, đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; liên kết các ngành, doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học và trường đại học.

- Hình thành các cụm liên kết ngành ở phạm vi liên tỉnh, liên vùng gắn với các trung tâm kinh tế biển mạnh. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về tài chính cho phép các địa phương huy động, phân bổ và chia sẻ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu chung của vùng. Trong đó, có hệ thống hạ tầng kết nối nội vùng, liên vùng, các dự án có quy mô và sức lan tỏa trong vùng và liên vùng.

- Tập trung đầu tư tăng cường hệ thống hạ tầng trọng yếu bảo đảm liên kết vùng và các tiểu vùng, nhất là trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, công nghệ số, kinh tế số, đô thị, đào tạo nguồn nhân lực, du lịch và dịch vụ, logistics, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Sớm xây dựng và

phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế biển

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành để tập trung phát triển các ngành kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng an ninh trên biển, nhất là các ngành như du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi; các ngành kinh tế biển mới,…

- Xây dựng đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp trên địa bàn vùng. Mở rộng và xây dựng Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi; nghiên cứu và định hướng phát triển khai thác năng lượng hydrogen. Triển khai công tác thẩm lượng, thẩm định để phê duyệt trữ lượng đối với mỏ Báo Vàng, Kèn Bầu; tích cực triển khai chuỗi dự án Cá Voi Xanh. Xây dựng quy hoạch hợp lý để phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối Tây Nguyên với vùng. Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế ven biển; rà soát, điều chỉnh, phân chia chức năng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong vùng.

- Xây dựng đề án cơ cấu lại và đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng sinh thái, đặc hữu có khả năng chống chịu cao với thời tiết cực đoan, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; liên kết theo chuỗi giá trị và có giá trị gia tăng cao; gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch… Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao (như: nuôi yến, khai thác yến sào, khai thác cá ngừ). Xây dựng thương hiệu, phát triển các thị trường tiêu thụ, hình thành các trung tâm đấu giá sản phẩm; phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, gắn với đô thị hóa.

- Xây dựng đề án cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại hình dịch vụ mới. Phát triển vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển các trung tâm logistics gắn với các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu.

4. Phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng, nhất là hạ tầng giao thông

- Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị vùng có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; hình thành ba tiểu vùng đô thị hóa tại Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Phát triển các đô thị trung tâm, đô thị hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng như xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng. Phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trở thành trung tâm du lịch biển - đảo.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vùng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi nội vùng và liên vùng. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu công nghệ cao Đà Nẵng và các cảng hàng không, cảng biển. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống đường bộ cao tốc, đặc biệt là các đoạn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng. Xây dựng đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; kêu gọi và thúc đẩy đầu tư tuyến đường cao tốc Hà Nội - Viêng Chăn (đoạn qua Nghệ An), đường cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo; đường cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y. Đến năm 2030, toàn vùng có khoảng 1.554 km đường bộ cao tốc. Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng. Nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trục ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với các cảng biển. Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 09 cảng hàng không hiện có trong vùng. Đầu tư xây dựng mới cảng hàng không Phan Thiết, cảng hàng không Quảng Trị. Tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển có tiềm năng thành cảng biển đặc biệt, nhất là các cảng biển ở Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng và

Khánh Hòa. Nâng cấp, từng bước hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam qua vùng. Nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt kết nối vùng với khu vực Tây Nguyên và các cửa khẩu quốc tế trong khu vực.

- Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo. Nâng cấp, hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa cấp thành phố và quận, huyện. Đầu tư một số trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (trong đó có Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia tại thành phố Đà Nẵng), trung tâm khoa học - công nghệ, đào tạo, chăm sóc sức khỏe… theo quy hoạch. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, đầu tư, nâng cấp đồng bộ các thiết chế văn hóa, nhất là một số công trình văn hóa tiêu biểu của vùng.

5. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; hoàn thành việc xử lý khu vực bị nhiễm chất độc dioxin. Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và hải đảo.

- Quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, tăng cường chất lượng rừng nhằm tăng cường khả năng hấp thụ các-bon, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên. Đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai; phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tự động. Tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

6. Phát triển toàn diện văn hóa - xã hội vùng

- Tập trung đầu tư cho giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số, đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với thế mạnh và định hướng phát triển vùng, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển vùng. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới giáo dục

nghề nghiệp. Tập trung ưu tiên đầu tư cho 01 - 02 trường giáo dục nghề nghiệp trong vùng để thực hiện chức năng trung tâm của quốc gia, vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tiếp tục phát triển mạnh hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các điểm không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các điểm kết nối cung - cầu nhằm nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh, tạo lập và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của từng địa phương trong vùng. Tăng cường tìm kiếm công nghệ tiên tiến, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho từng địa phương và toàn vùng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030; các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 - 2030: hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đổi mới công nghệ quốc gia; phát triển tài sản trí tuệ; phát triển công nghệ cao.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, lồng ghép có hiệu quả 3 chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; Xây dựng nông thôn mới; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo nhanh và bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nhất là các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt tuyến cơ sở. Phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Vinh và thành phố Huế thành hạt nhân của trung tâm y tế chuyên sâu; Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa (di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng các cấp, di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu), nhất là các di sản văn hóa được tổ chức

UNESCO ghi danh. Đầu tư và nâng cấp mạng lưới thiết chế văn hoá và thể dục thể thao. Phát triển thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật của vùng; thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của vùng; thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng.

7. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại. Xây dựng kế hoạch củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển, đảo; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển. Tiếp tục xây dựng các hải đoàn mạnh để vừa làm kinh tế, hỗ trợ ngư dân, vừa đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trên biển, đảo. Xây dựng huyện đảo Trường Sa thành khu vực phòng thủ vững chắc, chú trọng nâng cao năng lực phòng thủ đảo Phú Quý, đảo Cồn Cỏ. Thực hiện tốt công tác quản lý biên giới theo các văn kiện đã được ký kết với nước bạn Lào.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội; chủ động phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề về an ninh, trật tự, mâu thuẫn nội bộ tại cơ sở không để xảy ra bị động, bất ngờ, hình thành "điểm nóng", phức tạp về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng trong giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh; phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động truyền đạo trái phép, các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ phát triển chính thức, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển, đặc biệt là các đối tác của các cơ chế hợp tác tiểu vùng sông Mê Công cho phát triển vùng. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới, nhất là các nước tiểu vùng sông

Mê Công, ASEAN, các đối tác quốc tế, đặc biệt trong phát triển kinh tế biển như: kinh tế hàng hải, dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển, công nghiệp ven biển, các ngành kinh tế biển mới..., bảo vệ tài nguyên, môi trường biển. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế qua các cửa khẩu trong vùng gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây. Nghiên cứu thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên hành lang kinh tế Đông - Tây.

8. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong vùng

- Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ ở các cấp theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 21-KL/TW gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW (Khóa XII) nhằm thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; chất lượng, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 15 tháng 02 năm 2023, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan trong công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	7 - 7,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu GRDP của vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	11.5	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	40.7	
	Trong đó: riêng công nghiệp chế biến, chế tạo	*%*	*30.0*	
-	Dịch vụ	%	37.5	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	10.3	
3	GRDP bình quân đầu người/năm (giá hiện hành)	triệu đồng	156	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30	Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Đóng góp thu ngân sách nhà nước của vùng với cả nước	%	20 - 25	Bộ Tài chính
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	47 - 48	Bộ Xây dựng
7	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	90	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	*%*	*30*	
	VỀ XÃ HỘI			
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	35 - 40	
9	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	%	*1 - 1,5*	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	Trong đó: Tỷ lệ giảm hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%	*3*	
10	Tỷ lệ trên 10.000 dân đến năm cuối kỳ			Bộ Y tế
	Số giường bệnh	*Giường bệnh*	32	
	Số bác sỹ	*Bác sỹ*	11	
11	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	Bộ Y tế
	VỀ MÔI TRƯỜNG			
12	Tỷ lệ che phủ rừng	*%*	54	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực thành thị	*%*	100	Bộ Xây dựng
14	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực nông thôn	%	80	Bộ Xây dựng
15	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	*%*	90	Bộ Tài nguyên và Môi trường
16	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung	*%*	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
17	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để	*%*	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục II

CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ PHÂN CÔNG CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
I	**TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT VÙNG**				
1	Lập quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các địa phương trong vùng	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ/ Chính phủ
4	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
5	Xây dựng thể chế, cơ chế điều phối, liên kết phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án về liên kết ngành trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, năng lượng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
7	Đề án về liên kết ngành dịch vụ khoa học công nghệ với doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
8	Tiếp tục nghiên cứu ban hành định mức phân bổ ngân sách (bao gồm định mức chi đầu tư và chi thường xuyên) cho các giai đoạn ổn định ngân sách, theo hướng ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
II	**CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG VÀ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN**				
9	Mở rộng và xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất	Các bộ, ngành có liên quan và Ủy	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
		ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi			
10	Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
11	Đề án phát triển du lịch và dịch vụ biển, đảo vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan và địa phương liên quan	2025	Thủ tướng Chính phủ
12	Đề án phát triển các trung tâm logistics gắn với cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
13	Đề án cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững trên cơ sở áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
14	Đề án xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
III	**HOÀN THIỆN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ**				
15	Lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trong đó làm rõ phương án phát triển đô thị và nông thôn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; các đô thị trung tâm, hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
16	Tiếp tục xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng để tăng cường tiềm lực quân sự quốc phòng, nâng cao sức mạnh tổng hợp, bảo vệ tổ quốc	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2021 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
IV	**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**				
17	Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; hoàn thành việc xử lý khu vực bị nhiễm chất độc dioxin	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
18	Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
19	Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả, bền vững, ít phát thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, thông minh thích ứng với khí hậu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
V	**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN**				
20	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan	2023 - 2030	Chính phủ/ Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
21	Đề án phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Vinh và thành phố Huế thành Trung tâm y tế chuyên sâu	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Nghệ An, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
22	Đề án phát triển Bệnh viện Trung ương Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế	Bộ Y tế	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
23	Đề án phát triển Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế thuộc Trường Đại học Y - Dược Huế, Đại học Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Trường Đại học Y - Dược Huế)	Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	2023	Thủ tướng Chính phủ
24	Đề án phát triển thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật,	Ủy ban nhân dân các tỉnh,	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các	2024	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
	nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	thành phố: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	cơ quan và địa phương liên quan		
25	Đề án phát triển thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
26	Đề án phát triển thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
VI	**BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI**				
27	Tiếp tục củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển, đảo; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
28	Đề án khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
	để cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng theo hướng xanh, bền vững				
29	Đề án thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên hành lang kinh tế Đông - Tây (Đề án Khu KTTM xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đensavan)	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
30	Tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 16 tháng 3 năm 2016	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan và địa phương liên quan	2026 - 2030	Chính phủ
VII	**TẬP TRUNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**				
31	Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn vùng	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
32	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
33	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
34	Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo, có tầm nhìn chiến lược	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ DO CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	Ghi chú
I	**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ**				
1	Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
2	Tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
3	Tuyến đường cao tốc Hà Nội - Viêng Chăn (đoạn qua Nghệ An)	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Theo nhu cầu vận tải và khả năng cân đối nguồn vốn
4	Tuyến cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Theo nhu cầu vận tải và khả năng cân đối nguồn vốn

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	Ghi chú
5	Nghiên cứu, kêu gọi đầu tư tuyến cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
6	Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
7	Nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trục ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với cảng biển	Bộ Giao thông vận tải/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
II	**CẢNG HÀNG KHÔNG**				
1	Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 09 cảng hàng không hiện có trong vùng	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương/Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
2	Đầu tư xây dựng mới cảng hàng không Phan Thiết, cảng hàng không Quảng Trị	Bộ Quốc phòng/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	Ghi chú
III	**CẢNG BIỂN**				
1	Tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển ở Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
IV	**ĐƯỜNG SẮT**				
1	Đầu tư tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ và nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo và Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Tây Nguyên)	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Theo nhu cầu vận tải và khả năng cân đối nguồn vốn